

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK R'ÍT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11/05/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Chu Văn Quyền	Thành viên	
Ông Trần Quang Hào	Thành viên	
Ông Lê Văn Trán	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
Ông Nguyễn Cao Hoàng Bân	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
Ông Chu Văn Quyền	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Võ Thái	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
Ông Trần Quý Đạt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
Bà Trần Thị Thanh Thế	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đắk Nông, ngày 27 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tính được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng về nội dung sau:

- Tại Thuyết minh số 08, ghi chú (*), Công ty đã trình bày việc Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bản án sơ thẩm số 581/2021/KDTM-ST ngày 26/4/2021, buộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam phải trả cho Công ty các khoản tiền: đặt cọc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) là 141,41 tỷ đồng, phạt vi phạm hợp đồng 113,27 tỷ đồng, bồi thường thiệt hại 45,21 tỷ đồng. Hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đang làm thủ tục kháng cáo bản án này.
- Tại Thuyết minh số 18, ghi chú số (3), Công ty đã trình bày nội dung chi tiết các khoản nợ phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation liên quan đến dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đắc R'Tít và trách nhiệm liên đới giữa Công ty và Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (CCI) đối với khoản nợ phải trả này.
- Tại Thuyết minh số 11, Công ty đã trình bày các thông tin chi tiết liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang vào Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lâm là 3,77 tỷ đồng. Đây là chi phí của giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án. Công ty đang chờ thẩm định lại để đánh giá hiệu quả đầu tư dự án.
- Tại Thuyết minh số 07, Công ty đã trình bày các thông tin chi tiết liên quan đến khoản cho Bà Hoàng Thị Anh Trang vay theo các nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT ngày 24/05/2022 và nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Sang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		740.464.636.150	444.984.257.614
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	15.988.796.838	137.455.493.260
111	1. Tiền		5.988.796.838	3.455.493.260
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	134.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		711.770.999.757	299.413.490.572
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	199.470.794.477	155.504.645.414
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.095.620.285	2.821.473.439
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	370.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	153.107.700.613	149.573.718.736
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.903.115.618)	(8.486.347.017)
140	IV. Hàng tồn kho	10	11.462.774.761	6.913.079.661
141	1. Hàng tồn kho		11.462.774.761	6.913.079.661
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.242.064.794	1.202.194.121
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.242.064.794	1.202.194.121
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.710.772.522.662	1.768.356.885.466
220	II. Tài sản cố định		1.512.180.023.953	1.591.035.661.015
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.244.323.881.155	1.309.022.373.269
222	- Nguyên giá		3.064.892.049.945	3.062.471.770.612
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.820.568.168.790)	(1.753.449.397.343)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	267.856.142.798	282.013.287.746
228	- Nguyên giá		455.109.882.508	455.109.882.508
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(187.253.739.710)	(173.096.594.762)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	4.392.715.733	4.359.623.099
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.392.715.733	4.359.623.099
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	183.791.039.621	164.825.507.477
251	1. Đầu tư vào công ty con		217.581.352.000	185.466.442.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.790.312.379)	(20.640.934.523)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.408.743.355	8.136.093.875
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.408.743.355	8.136.093.875
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>2.451.237.158.812</u>	<u>2.213.341.143.080</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		544.762.407.889	595.553.531.493
310	I. Nợ ngắn hạn		328.396.368.447	239.187.492.051
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.098.019.722	848.972.967
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	57.787.280.506	17.487.399.210
314	3. Phải trả người lao động		1.785.095.956	1.621.916.097
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	867.851.407	1.185.503.288
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.318.194.317	9.047.819.908
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	236.415.664.547	187.193.791.847
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		20.124.261.992	21.802.088.734
330	II. Nợ dài hạn		216.366.039.442	356.366.039.442
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	156.530.706.106	156.530.706.106
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	59.835.333.336	199.835.333.336
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.906.474.750.923	1.617.787.611.587
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.906.474.750.923	1.617.787.611.587
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		131.731.352.000	131.731.352.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.062.463.077	54.062.463.077
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		20.786.574.982	20.786.574.982
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		699.894.360.864	411.207.221.528
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.912.658.228	67.369.401.395
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		679.981.702.636	343.837.820.133
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.451.237.158.812	2.213.341.143.080

Người lập

Kế toán trưởng

Đắk Nông, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Trưởng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Văn Hữu



Nguyễn Văn Thịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	987.744.339.841	761.025.502.905
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		987.744.339.841	761.025.502.905
11	4. Giá vốn hàng bán	22	230.523.540.324	334.679.823.072
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		757.220.799.517	426.345.679.833
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7.812.368.048	4.511.709.687
22	7. Chi phí tài chính	24	38.691.158.133	54.540.662.800
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.012.008.667	32.495.353.955
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21.190.110.480	20.614.906.487
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		705.151.898.952	355.701.820.233
31	11. Thu nhập khác	26	14.128.524.582	9.088.538.739
32	12. Chi phí khác	27	331.464.741	87.264.764
40	13. Lợi nhuận khác		13.797.059.841	9.001.273.975
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		718.948.958.793	364.703.094.208
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	36.967.256.157	18.865.274.075
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		681.981.702.636	345.837.820.133

Đắk Nông, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

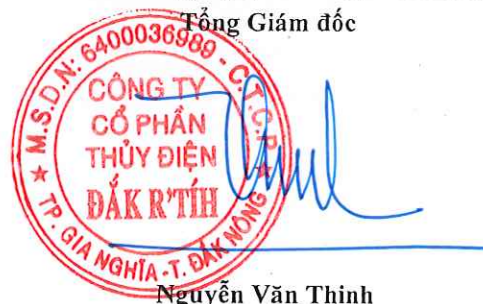
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phượng



Nguyễn Văn Hữu



Nguyễn Văn Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		718.948.958.793	364.703.094.208
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		81.275.916.395	197.630.627.025
03	- Các khoản dự phòng		21.566.146.457	27.288.038.392
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.422.470.919)	(7.494.963.144)
06	- Chi phí lãi vay		25.012.008.667	32.495.353.955
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		839.380.559.393	614.622.150.436
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(49.536.319.528)	(27.202.846.232)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.549.695.100)	(2.105.467.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		16.876.740.375	(5.566.583.806)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.312.520.153)	811.460.324
14	- Tiền lãi vay đã trả		(25.046.879.022)	(32.749.157.981)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.418.501.044)	(17.439.348.736)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.037.304.462)	(13.388.790.453)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		748.356.080.459	516.981.416.552
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.453.371.967)	(1.711.220.767)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	4.130.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(370.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	29.380.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(32.114.910.000)	(47.885.090.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.249.427.081	781.915.858
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(398.318.854.886)	(15.304.394.909)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		215.693.483.236	563.916.321.764
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(306.471.610.536)	(651.511.110.572)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(380.725.794.695)	(299.534.496.083)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(471.503.921.995)	(387.129.284.891)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(121.466.696.422)	114.547.736.752
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		137.455.493.260	22.907.756.508
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	15.988.796.838	137.455.493.260

Người lập



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hữu

Đắk Nông, ngày 27 tháng 03 năm 2023
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11/05/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.000.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.000.000.000.000 đồng; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 99 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 100 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện);
- Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, đầu tư thủy điện);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn giám sát: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị và dụng cụ điện);
- Đào tạo trung cấp; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị nhà máy điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2022, do thời tiết ổn định, lượng mưa nhiều và nắng hạn ngắn nên lưu lượng nước đổ về hồ chứa nhiều, các nhà máy hoạt động hết công suất làm cho lượng điện sản xuất và tiêu thụ tăng cao trở lại dẫn đến doanh thu và lợi nhuận trước thuế tăng so với năm trước.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị khác	06 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 30 tháng.
- Chi phí bồi thường hỗ trợ tái định cư được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 05 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 đến 60 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 4 Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 06 năm 2016, trường hợp dự án đầu tư mới đồng thời đáp ứng nhiều Điều kiện ưu đãi về thuế TNDN thì được chọn hưởng mức ưu đãi thuế TNDN có lợi nhất. Công ty đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện và sản xuất kinh doanh truyền tải điện tại tỉnh Đắk Nông, do đó theo quy định của Luật thuế TNDN và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này thì dự án đầu tư mới của Công ty là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực được ưu đãi về thuế TNDN quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 13 Luật thuế TNDN, điều 12 thông tư 96/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung điều 20 thông tư 78/2014/TT-BTC, Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Đối với các khoản thu nhập phát sinh từ dự án, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm, năm 2022 là năm thứ 11 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty hiện đang bù trừ lãi từ hoạt động không được hưởng ưu đãi thuế TNDN và lỗ từ hoạt động được ưu đãi thuế TNDN theo khoản 09, điều 18, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng và bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	520.090	67.948.257
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.988.276.748	3.387.545.003
Các khoản tương đương tiền ^(*)	10.000.000.000	134.000.000.000
	15.988.796.838	137.455.493.260

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông, số tiền 10.000.000.000 VND, lãi suất 6,0%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Ti

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng	217.581.352.000	(33.790.312.379)	185.466.442.000	(20.640.934.523)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar(*)	5.850.000.000	-	5.850.000.000	-
	211.731.352.000	(33.790.312.379)	179.616.442.000	(20.640.934.523)
	<u>217.581.352.000</u>	<u>(33.790.312.379)</u>	<u>185.466.442.000</u>	<u>(20.640.934.523)</u>

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 04/04/2022, Công ty chủ trương mua thêm 3.211.941 cổ phần góp vốn tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar, tương đương 32.114.910.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã thực hiện mua thành công 3.211.941 cổ phần góp vốn tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar, tương đương 32.114.910.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	Xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	70,56%	70,56%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiễn

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	15.228.895.036	(12.631.304.607)	15.228.895.036	(7.751.791.686)
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Mua bán điện	15.228.895.036	(12.631.304.607)	15.228.895.036	(7.751.791.686)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	184.241.899.441	(571.152.963)	140.275.750.378	(489.291.194)
	183.588.884.709	-	139.622.735.646	-
	653.014.732	(571.152.963)	653.014.732	(489.291.194)
	<u>199.470.794.477</u>	<u>(13.202.457.570)</u>	<u>155.504.645.414</u>	<u>(8.241.082.880)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Điện Trường Giang	4.302.363.152	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thủy bộ Hòa Bình	663.907.000	-	425.451.301	-
- Công ty TNHH KTCN và DV Tiên Phong	-	-	370.692.872	-
- Công ty TNHH TM DV Quỳnh Nguyên	-	-	262.786.024	-
- Trả trước cho người bán khác	1.129.350.133	-	1.762.543.242	-
	<u>6.095.620.285</u>	<u>-</u>	<u>2.821.473.439</u>	<u>-</u>



7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Bà Hoàng Thị Anh Trang	370.000.000.000	-	-	-
	<u>370.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Căn cứ nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐQT ngày 24/05/2022 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tiê quyết nghị thông qua hợp đồng số 01/2022/ĐT-BV-HTAT ngày 24/05/2022 giữa Công ty Cổ phần thủy điện Đắc R'Tiê, Bà Hoàng Thị Anh Trang và bên có liên quan Công ty TNHH SX và TM Bách Việt với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 120.000.000.000 VND;
 - + Mục đích cho vay: kinh doanh cá nhân;
 - + Thời hạn cho vay: đến ngày 24/05/2023;
 - + Lãi suất cho vay: 9,0%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 110.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản bên thứ 3 là 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tiê do Công ty TNHH SX & TM Bách Việt đang sở hữu.
- (2) Căn cứ nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tiê quyết nghị thông qua hợp đồng cho vay Bà Hoàng Thị Anh Trang số 02/2022/ĐT-BV-HTAT ngày 28/12/2022 với các điều khoản cụ thể sau:
- + Số tiền cho vay: 260.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thực hiện mục đích kinh doanh cá nhân;
 - + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 6 tháng kể từ ngày chuyển đủ số tiền cho vay;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 260.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản bên thứ 3 là 10.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'Tiê do Công ty TNHH SX & TM Bách Việt đang sở hữu.

8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.345.180.760	(3.455.393.911)	6.172.136.922	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	383.619	-	-	-
Tạm ứng	3.102.640.000	-	807.000.000	-
Ký cược, ký quỹ ^(*)	141.410.529.520	-	141.410.529.520	-
Phải thu khoản chi hộ Công ty Cổ phần Đông Quỳnh Biên	245.264.137	(245.264.137)	245.264.137	(245.264.137)

PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam - CN HCM	117.067.798	-	52.153.378	-
Phải thu Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh	886.634.779	-	886.634.779	-
	153.107.700.613	(3.700.658.048)	149.573.718.736	(245.264.137)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	7.294.221.856	(3.455.393.911)	6.019.975.280	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	6.019.975.280	(3.455.393.911)	6.019.975.280	-
Bà Hoàng Thị Anh Trang	1.274.246.576	-	-	-
Bên khác	145.813.478.757	(245.264.137)	143.553.743.456	(245.264.137)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) (*)	141.410.529.520	-	141.410.529.520	-
Phải thu đối tượng khác	4.402.949.237	(245.264.137)	2.143.213.936	(245.264.137)
	153.107.700.613	(3.700.658.048)	149.573.718.736	(245.264.137)

(*) Khoản tiền đặt cọc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) để thực hiện việc mua trọn lô 110.865.236 cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) và các đơn vị thành viên tại các Công ty thủy điện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016, Công ty (DaHC) đã gửi nhiều văn bản đề nghị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam triển khai và thực hiện các điều khoản đã cam kết theo hợp đồng nhưng không nhận được kết quả mong muốn. Ngày 30/12/2019, Công ty đã khởi kiện Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ra Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu hoàn trả khoản tiền đặt cọc và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Theo bản án sơ thẩm số 581/2021/KDTM-ST ngày 26/04/2021 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Tòa tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là DaHC, bao gồm:

- Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 (Chi tiết về hợp đồng chuyển nhượng xem tại Thuyết minh số 18);

- Buộc VRG phải hoàn trả cho DaHC khoản tiền đặt cọc là 141.410.529.520 VND;

- Buộc VRG phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là 113.268.722.252 VND;

- Buộc VRG phải bồi thường thiệt hại cho DaHC số tiền lãi là 45.215.915.922 VND.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào theo bản án đã tuyên của Tòa án do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đang làm thủ tục kháng cáo.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	21.248.870.316	5.162.171.798	15.228.895.036	7.477.103.350
- Công ty Cổ phần Đông Quỳnh Biên	245.264.137	-	245.264.137	-
- Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp Sông Chu	489.291.194	-	489.291.194	-
- Nguyễn Thị Ngọc	163.723.538	81.861.769	-	-
	<u>22.147.149.185</u>	<u>5.244.033.567</u>	<u>15.963.450.367</u>	<u>7.477.103.350</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	208.680.000	-	188.100.000	-
Công cụ, dụng cụ	6.848.818.100	-	2.394.503.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^(*)	4.405.276.661	-	4.330.476.661	-
	<u>11.462.774.761</u>	<u>-</u>	<u>6.913.079.661</u>	<u>-</u>

^(*) Đây là các chi phí liên quan đến hoạt động xây dựng, hoàn thiện, vận hành và khắc phục sự cố Nhà máy thủy điện Đắk Kar mà Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh cung cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar.

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	4.392.715.733	4.359.623.099
- Dự án mở rộng nhà máy Đắk R'Tíh	406.022.400	406.022.400
- Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lâm (*)	3.765.993.605	3.685.481.971
- Công trình khác	220.699.728	268.118.728
	<u>4.392.715.733</u>	<u>4.359.623.099</u>

^(*) Dự án nhà máy Thủy điện Bảo Lâm được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 15/07/2019 với nội dung chi tiết như sau:

- Tên dự án và địa điểm: Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lâm được tiến hành tại xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và xã Đắk Nĩa, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
- Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng (Công ty con của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tíh);
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 366.117.000.000 VND;

- Quy mô đất của dự án: 28,37 ha;
- Tiến độ dự án đến 31/12/2022: Số dư tính đến thời điểm hiện tại là các chi phí ban đầu do Công ty ký kết với các nhà thầu để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm. Các chi phí này sẽ được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng sau khi có phê duyệt chính thức của Hội đồng quản trị.
- Theo Thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng quản trị số 02/2021/TB-HĐQT ngày 22/01/2021, Thường trực Hội đồng quản trị chủ trì và tiến hành tham khảo ý kiến chuyên gia về việc đánh giá lại tính hiệu quả của dự án trước khi tiếp tục triển khai. Dự kiến đến quý 3/2023 sẽ hoàn thành việc thẩm định lại dự án. *(Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng được trình bày tại thuyết minh số 04.)*

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.105.157.402.069	943.043.170.460	11.081.125.274	3.190.072.809	3.062.471.770.612
- Mua trong năm	-	2.321.889.333	-	98.390.000	2.420.279.333
Số dư cuối năm	2.105.157.402.069	945.365.059.793	11.081.125.274	3.288.462.809	3.064.892.049.945
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	802.637.927.967	941.048.300.553	7.379.672.168	2.383.496.655	1.753.449.397.343
- Khấu hao trong năm	65.129.587.800	807.929.770	883.468.740	297.785.137	67.118.771.447
Số dư cuối năm	867.767.515.767	941.856.230.323	8.263.140.908	2.681.281.792	1.820.568.168.790
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.302.519.474.102	1.994.869.907	3.701.453.106	806.576.154	1.309.022.373.269
Tại ngày cuối năm	1.237.389.886.302	3.508.829.470	2.817.984.366	607.181.017	1.244.323.881.155

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.242.346.582.924 đồng;

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 946.784.230.232 đồng.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	454.685.202.102	424.680.406	455.109.882.508
Số dư cuối năm	<u>454.685.202.102</u>	<u>424.680.406</u>	<u>455.109.882.508</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	172.926.303.240	170.291.522	173.096.594.762
- Khấu hao trong năm	14.087.944.944	69.200.004	14.157.144.948
Số dư cuối năm	<u>187.014.248.184</u>	<u>239.491.526</u>	<u>187.253.739.710</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	281.758.898.862	254.388.884	282.013.287.746
Tại ngày cuối năm	<u>267.670.953.918</u>	<u>185.188.880</u>	<u>267.856.142.798</u>

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm :

+ Diện tích đất 3.000 m² tại tỉnh Đắk Nông hiện đang được sử dụng làm văn phòng Công ty. Quyền sử dụng đất này có thời hạn đến tháng 02/2063.

+ Diện tích đất 1.376.285 m² tại tỉnh Đắk Nông hiện đang được sử dụng làm Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tíh và các công trình phụ trợ. Quyền sử dụng đất này có thời hạn đến tháng 12/2058.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 267.670.953.918 VND;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78.680.406 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	111.716.498	341.269.101
Chi phí bảo hiểm	1.081.459.407	860.925.020
Chi phí trả trước khác	48.888.889	-
	<u>1.242.064.794</u>	<u>1.202.194.121</u>
b) Dài hạn		
Chi phí bồi thường hỗ trợ tái định cư	525.755.981	1.706.442.833
Chi phí sửa chữa khu tái định cư	4.566.805.520	-
Chi phí sửa chữa lớn	5.316.181.854	6.429.651.042
	<u>10.408.743.355</u>	<u>8.136.093.875</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên khác</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần TV XD Điện 2 - Xí nghiệp khảo sát tổng hợp Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đắk Nông	142.878.070	142.878.070	142.878.070	142.878.070
Công ty TNHH TMKT Thiên Hoàng Gia	598.019.208	598.019.208	-	-
Công ty TNHH TM DV Quỳnh Nguyễn	222.584.428	222.584.428	-	-
Công ty TNHH TM và DV Đông Phương Solutions	461.825.672	461.825.672	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.672.712.344	1.672.712.344	561.694.836	561.694.836
	<u>3.098.019.722</u>	<u>3.098.019.722</u>	<u>848.972.967</u>	<u>848.972.967</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.718.702.118	77.235.097.901	69.639.703.761	-	12.314.096.258
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	6.389.828.792	36.967.256.157	11.418.501.044	-	31.938.583.905
Thuế Thu nhập cá nhân	-	558.843.811	7.862.708.146	8.008.368.841	-	413.183.116
Thuế Tài nguyên	-	4.198.621.929	74.873.516.087	67.560.062.809	-	11.512.075.207
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.621.402.560	37.225.216.376	37.237.276.916	-	1.609.342.020
	-	17.487.399.210	234.166.794.667	193.866.913.371	-	57.787.280.506

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	494.121.702	528.992.057
- Trích trước tiền điện	43.894.705	94.647.171
- Trích trước chi phí quản lý vận hành, xử lý sự cố thiết bị viễn thông, đường dây	329.835.000	484.347.060
- Chi phí phải trả khác	-	77.517.000
	867.851.407	1.185.503.288

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	41.034.700	40.132.840
- Bảo hiểm xã hội	-	4.732.756
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả ⁽¹⁾	8.277.159.617	9.002.954.312
	8.318.194.317	9.047.819.908
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Cổ phần 389 chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	1.201.682.532	1.201.682.532
- Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn ⁽²⁾	18.383.368.886	18.383.368.886
- Phải trả Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt ⁽²⁾	51.765.412.789	51.765.412.789
- Phải trả Công ty TNHH Một thành viên Rồng Việt ⁽²⁾	24.777.532.992	24.777.532.992
- Phải trả Công ty Beijing IWH Corporation chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê ⁽³⁾	60.402.708.907	60.402.708.907
	156.530.706.106	156.530.706.106
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Phải trả Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt ⁽²⁾	51.765.412.789	51.765.412.789
Phải trả Công ty TNHH Một thành viên Rồng Việt ⁽²⁾	24.777.532.992	24.777.532.992
	76.542.945.781	76.542.945.781

⁽¹⁾ Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20.

⁽²⁾ Các bên gồm: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt; Công ty TNHH MTV Đầu tư Rồng Việt; Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn và ông Đặng Chính Trung đã cùng nhau ký Thỏa thuận hợp tác góp vốn đầu tư số 01/HTĐT/2016 ngày 15/09/2016 (và phụ lục thỏa thuận hợp tác góp vốn đầu tư ngày 04/10/2016). Theo đó, các bên thống nhất góp vốn và ủy thác cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê thay mặt các bên tham gia mua thỏa thuận trọn lô 110.865.236 cổ phần của các công ty thủy điện thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam bao gồm: Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc, Công ty Cổ phần VRG Đắk Nông, Công ty Cổ phần VRG Phú Yên và Công ty Cổ phần VRG Ngọc Linh với tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 là 1.415.859.028.150 VND.

Tỷ lệ góp vốn của các bên để thực hiện Dự án được thống nhất như sau: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê 15%; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt 47,5%; Công ty TNHH MTV Đầu tư Rồng Việt 17,5%; Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn 10% và ông Đặng Chính Trung 10%.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê đã trúng thầu. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016. Tuy nhiên do chưa triển khai được các điều khoản đã cam kết theo hợp đồng nên Công ty đã khởi kiện Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ra Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (xem thêm Thuyết minh số 08).

(3) Theo Biên bản bàn giao Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh ngày 29/05/2015 giữa Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (CC1) với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh (DaHC) thì khoản nợ phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation bao gồm khoản tạm thu bảo lãnh thực hiện Hợp đồng số DT-01 TBCD của nhà thầu IWHR Corporation Trung Quốc với số tiền 1.489.890 USD (tương đương 31.034.408.700 VND) và khoản công nợ dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tíh còn phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation số tiền 29.368.300.207 VND. Khoản tạm thu bảo lãnh được Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần chuyển lại cho Công ty giữ để thực hiện các nghĩa vụ còn lại với nhà thầu IWHR Corporation (nếu có).

Mọi tranh chấp sau này với nhà thầu IWHR Corporation do CC1 và DaHC cùng chịu trách nhiệm và chi phí phát sinh sẽ sử dụng số tiền trên chi trả. Khi chi phí vượt số tiền trên thì hai bên cùng thương thảo, nếu không có tranh chấp xảy ra, số tiền trên sẽ được hạch toán giảm giá trị đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh. Công ty vẫn chưa liên lạc được với Công ty Beijing IWHR Corporation nên chưa thể thương thảo và xác định các nghĩa vụ liên quan đến khoản công nợ phải trả này.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Ti

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VAY

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông ⁽¹⁾	117.193.791.847	117.193.791.847	215.693.483.236	236.471.610.536	96.415.664.547	96.415.664.547
	39.286.644.300	39.286.644.300	50.883.919.000	61.199.425.234	28.971.138.066	28.971.138.066
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây ⁽²⁾	77.907.147.547	77.907.147.547	164.809.564.236	175.272.185.302	67.444.526.481	67.444.526.481
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây ⁽³⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	140.000.000.000	70.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
	70.000.000.000	70.000.000.000	140.000.000.000	70.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
	<u>187.193.791.847</u>	<u>187.193.791.847</u>	<u>355.693.483.236</u>	<u>306.471.610.536</u>	<u>236.415.664.547</u>	<u>236.415.664.547</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây ⁽³⁾	269.835.333.336	269.835.333.336	-	70.000.000.000	199.835.333.336	199.835.333.336
	<u>269.835.333.336</u>	<u>269.835.333.336</u>	<u>-</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>199.835.333.336</u>	<u>199.835.333.336</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(140.000.000.000)	(70.000.000.000)	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>199.835.333.336</u>	<u>199.835.333.336</u>			<u>59.835.333.336</u>	<u>59.835.333.336</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/2242190/HĐHM ngày 14/06/2022 với những điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh điện;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 14/06/2022;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 - + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm cuối năm: 28.971.138.066 VND.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 168B22 ngày 05/07/2022 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 167B22 với những điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: đến hết ngày 05/07/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có, vốn vay và vốn khác thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê (bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất và toàn bộ Máy móc thiết bị thuộc dự án);
 - Thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê (bao gồm nhưng không giới hạn quyền phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm);
 - Bàn giao toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và/hoặc Hợp đồng thuê đất, Quyết định cho thuê đất cho VCB lưu giữ, và cam kết thế chấp Quyền sử dụng đất của Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê cho VCB khi đủ điều kiện thế chấp.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 67.444.526.481 VND;

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

- (3) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 089C21 ngày 26/05/2021 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 088B21 ngày 26/05/2021 với những điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 299.835.333.336 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hồ Chí Minh để đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê;
 - + Thời hạn cho vay: đến hết ngày 04/04/2024;
 - + Lãi suất cho vay: 8,1%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê trên 13 thửa đất tại tỉnh Đắk Nông; Toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê;
 - Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có, vốn vay và vốn khác thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê (bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất và toàn bộ Máy móc thiết bị thuộc dự án);
 - Thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê (bao gồm nhưng không giới hạn quyền phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm);
 - Bàn giao toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và/hoặc Hợp đồng thuê đất, Quyết định cho thuê đất cho VCB lưu giữ, và cam kết thế chấp Quyền sử dụng đất của Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tiê cho VCB khi đủ điều kiện thế chấp.
 - + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm cuối năm: 199.835.333.336 VND, nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 140.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Ng

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	384.098.814.296	1.590.679.204.355
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	345.837.820.133	345.837.820.133
Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát 2020	-	-	-	-	(2.341.176.613)	(2.341.176.613)
Trả cổ tức 2020	-	-	-	-	(300.000.000.000)	(300.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.388.236.288)	(16.388.236.288)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	411.207.221.528	1.617.787.611.587
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	411.207.221.528	1.617.787.611.587
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	681.981.702.636	681.981.702.636
Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát 2021 ⁽²⁾	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát 2022 ⁽¹⁾	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trả cổ tức 2021 ⁽²⁾	-	-	-	-	(380.000.000.000)	(380.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽²⁾	-	-	-	-	(10.294.563.300)	(10.294.563.300)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	699.894.360.864	1.906.474.750.923

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, Công ty công bố việc trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022 là 2.000.000.000 VND.

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/22/NQ/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau (trong đó, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát đã được tạm trích 2.000.000.000 VND trong năm 2021):

	Tỷ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021		345.837.820.133
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại 31/12/2021		411.207.221.528
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3% Lợi nhuận sau thuế năm 2021)	3%	10.294.563.300
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (1% Lợi nhuận sau thuế năm 2021)	1%	1.000.000.000
Chi trả cổ tức (38% Vốn điều lệ)	38%	380.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối		19.912.658.228

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	0,00	-	40,07	400.696.600.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	28,21	282.083.500.000	20,81	208.119.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	10,00	100.000.000.000	10,00	100.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Rồng Việt	0,00	-	6,02	60.162.500.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	5,59	55.903.650.000	5,59	55.903.650.000
- Ông Đinh Quang Thái	16,65	166.453.460.000	0,00	-
- Ông Đinh Văn Long	16,03	160.278.640.000	0,00	-
- Ông Đinh Trung Hiếu	6,02	60.162.500.000	0,00	-
- Các cổ đông khác	17,51	175.118.250.000	17,51	175.118.250.000
	<u>100,00</u>	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	9.002.954.312	8.537.450.395
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	380.000.000.000	300.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	380.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(380.725.794.695)	(299.534.496.083)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(380.725.794.695)	(299.534.496.083)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>8.277.159.617</u>	<u>9.002.954.312</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.062.463.077	54.062.463.077
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.786.574.982	20.786.574.982
	74.849.038.059	74.849.038.059

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán điện	987.735.080.582	758.516.411.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.259.259	2.509.090.909
	987.744.339.841	761.025.502.905
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	-	2.500.000.000

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn điện đã bán	230.523.540.324	332.303.888.642
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	2.375.934.430
	230.523.540.324	334.679.823.072

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.422.470.919	4.498.822.321
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	389.897.129	12.887.366
	7.812.368.048	4.511.709.687
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	5.669.041.096	3.621.145.204

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.012.008.667	32.495.353.955
Chi phí trả nợ vay trước hạn	-	2.998.353.333
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	529.771.610	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	13.149.377.856	19.046.955.512
	38.691.158.133	54.540.662.800

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	846.492.769	527.915.154
Chi phí nhân công	6.490.171.640	5.963.623.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	568.518.900	572.337.515
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	295.306.340
Chi phí dự phòng	8.416.768.601	8.241.082.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.844.702.615	1.746.350.700
Chi phí khác bằng tiền	3.020.455.955	3.268.290.867
	21.190.110.480	20.614.906.487

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.996.140.823
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	207.413.839
Thu nhập từ việc bán chứng chỉ cắt giảm khí thải carbon (*)	14.128.524.582	5.884.546.650
Thu nhập khác	-	437.427
	14.128.524.582	9.088.538.739

(*) Thu nhập từ việc bán Chứng chỉ cắt giảm khí thải carbon (CERs) sinh ra bởi Dự án Thủy điện Đắk R'Ti theo Hợp đồng giữa Tổng Công ty Xây dựng số 1 (Công ty mẹ) với Ecotawa Ltd ngày 26/02/2009 về việc Ecotawa Ltd cung cấp dịch vụ làm đại diện, tư vấn và phát triển Dự án Thủy điện Đắk R'Ti theo hình thức Chương trình cơ cấu phát triển sạch (CDM) hoặc Chương trình tự nguyện cắt giảm khí thải (VER) trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto và tìm kiếm người mua tiềm năng các CERs nói trên.

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	81.119	2.353.372
Chi phí cho thuê nhà xưởng	84.910.992	84.910.992
Lệ phí bán chứng chỉ cắt giảm khí thải carbon	246.431.830	-
Chi phí khác	40.800	400
	331.464.741	87.264.764

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	718.948.958.793	361.706.953.385
Các khoản điều chỉnh tăng	153.496.119	397.073.372
- Chi phí không hợp lệ	39.281.119	282.858.372
- Chi phí khấu hao TSCĐ là ô tô đối với phần nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	114.215.000	114.215.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	719.102.454.912	362.104.026.757
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN	712.354.898.839	361.031.729.608
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN	6.747.556.073	1.072.297.149
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.967.256.157	18.266.045.910
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN được ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 10%)	71.235.489.884	36.103.172.961
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	1.349.511.215	214.459.430
- Chi phí thuế TNDN được miễn giảm (giảm 50% chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%)	(35.617.744.942)	(18.051.586.481)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.389.828.792	4.963.903.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.418.501.044)	(17.439.348.736)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	31.938.583.905	5.790.600.627
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	2.996.140.823
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	2.996.140.823
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	599.228.165
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	599.228.165
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	36.967.256.157	18.865.274.075
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	31.938.583.905	6.389.828.792

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.270.153.028	4.212.748.426
Chi phí nhân công	26.691.797.711	25.093.403.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.275.916.395	197.545.716.033
Chi phí dự phòng	8.416.768.601	8.241.082.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.010.904.496	8.642.332.516
Chi phí khác bằng tiền	120.207.821.565	111.559.445.996
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	251.873.361.796	355.294.729.559

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.988.796.838	-	-	15.988.796.838
Phải thu khách hàng, phải thu khác	335.675.379.472	-	-	335.675.379.472
Các khoản cho vay	370.000.000.000	-	-	370.000.000.000
	721.664.176.310	-	-	721.664.176.310
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.455.493.260	-	-	137.455.493.260
Phải thu khách hàng, phải thu khác	296.592.017.133	-	-	296.592.017.133
	434.047.510.393	-	-	434.047.510.393

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	236.415.664.547	59.835.333.336	-	296.250.997.883
Phải trả người bán, phải trả khác	11.416.214.039	156.530.706.106	-	167.946.920.145
Chi phí phải trả	867.851.407	-	-	867.851.407
	248.699.729.993	216.366.039.442	-	465.065.769.435
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	187.193.791.847	199.835.333.336	-	387.029.125.183
Phải trả người bán, phải trả khác	9.896.792.875	156.530.706.106	-	166.427.498.981
Chi phí phải trả	1.185.503.288	-	-	1.185.503.288
	198.276.088.010	356.366.039.442	-	554.642.127.452

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	215.693.483.236	563.916.321.764
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	306.471.610.536	651.511.110.572

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	Cổ đông
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Cổ đông lớn
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Rồng Việt	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	Cổ đông lớn
- Ông Đinh Quang Thái	Cổ đông lớn
- Ông Đinh Văn Long	Cổ đông lớn
- Bà Hoàng Thị Anh Trang	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	Công ty con
- Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng	Công ty con
- Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Chu Văn Quyền	Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Quang Hào	Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	-	2.500.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	5.669.041.096	3.621.145.204
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	-	3.621.145.204
- Bà Hoàng Thị Anh Trang	5.669.041.096	-
Thu hồi khoản cho vay	35.000.000.000	-
- Bà Hoàng Thị Anh Trang	35.000.000.000	-
Cho vay	405.000.000.000	-
- Bà Hoàng Thị Anh Trang	405.000.000.000	-
Chi trả cổ tức	313.455.065.000	247.464.525.000
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	60.104.490.000	120.208.980.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	79.085.220.000	16.771.095.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	38.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Rừng Việt	22.861.750.000	18.048.750.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	21.243.387.000	62.435.700.000
- Ông Đinh Quang Long	36.864.087.200	-
- Ông Đinh Quang Thái	55.296.130.800	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ban Giám đốc		3.167.210.870	2.821.139.657
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)	1.331.840.580 (*)	598.951.438
Ông Chu Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)	1.044.336.956 (*)	1.489.725.719
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc	791.033.334	732.462.500
Hội đồng quản trị		1.444.347.827	1.237.902.876
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch	732.173.913	648.951.438
Ông Trần Quang Hào	Thành viên	356.086.957	294.475.719

	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Văn Trán	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)	120.000.000	-
Ông Nguyễn Cao Hoàng Bản	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)	236.086.957	294.475.719

(*) Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Thịnh và Ông Chu Văn Quyền đã bao gồm thù lao ủy viên Hội đồng quản trị.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hữu

Đắk Nông, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh